BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG CĐ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TP.HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HSSV DỰ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần: Tiếng Anh cơ bản **Số TC:** 3 **Lần thi:** .....

Lớp học phần: 105_TACB_HK1A.20-21_N9 **Học kỳ:** 1 **Ngày thi:** .....

Khoa: Khoa Kinh Tế **Năm học:** 2020 - 2021 **Thời gian:** ..... phút

STT	Mã số	Họ và tên		Ngày sinh	SỐ TỜ	KÍ TÊN	ĐIỂM		GHI CHÚ
							= Số	= Chữ	
1	508200357	Nguyễn Tuấn	Anh	07/07/1998					
2	504200210	Phạm Thanh	Bình	28/12/2002					
3	507200104	Nguyễn Ninh	Đức	04/09/2002					
4	505200137	Phạm Việt	Đức	15/03/2001					
5	508200228	Ngô Võ Bích	Dung	17/07/1999					
6	507200388	Nguyễn Ngọc	Duy	07/04/2002					
7	507200183	Trần Nhựt	Duy	19/04/2002					
8	505200138	Phạm Trường	Giang	23/04/2002					
9	508200233	Nguyễn Quỳnh	Giao	14/10/2002					
10	507200217	Trần Đông	Hòa	19/05/2002					
11	507200299	Nguyễn Thị Thu	Hồng	12/02/2002					
12	507200112	Lưu Quốc	Huy	19/03/2001					
13	509200139	Nguyễn Gia	Huy	23/09/2002					
14	506200118	Nguyễn Quốc	Huy	16/01/2002					
15	505200117	Hồ An	Khang	30/08/2002					
16	506200286	Trần Tuấn	Khang	29/10/2002					
17	507200311	Nguyễn Duy	Khoa	03/06/2002					
18	506200254	Phạm Vũ	Khoa	04/05/2001					
19	507200462	Nguyễn Trần Tú	Linh	16/01/1999					
20	507200301	Nguyễn Văn	Linh	12/02/2002					
21	509200281	Lê Phước	Lộc	05/03/2002					
22	504200144	Huỳnh Phúc	Luân	14/06/2002					
23	508200133	Lê Thị Xuân	Mai	06/02/2002					
24	511200464	Trương Phú	Nam	19/05/2001					
25	509200274	Đinh Thị	Ngọc	01/12/2002					
26	510200356	Trần Huệ	Ngọc	13/08/2002					
27	507200227	Nguyễn Minh	Nguyên	27/09/2002					
28	507200213	Nguyễn Quang Hạnh	Nguyên	21/10/2002					
29	506200353	Vòng Chính	Nguyên	04/06/2002					
30	508200404	Lý Thị Ánh	Nguyệt	14/01/2002					
31	507200142	Trương Ngọc Minh	Nguyệt	24/11/2002					

STT	Mã số	Họ và tên		Ngày sinh	SỐ TỜ	KÍ TÊN	ĐIỂM		GHI CHÚ
							= Số	= Chữ	
32	505200248	Nguyễn Minh	Nhật	09/11/2002					
33	509200097	Nguyễn Thị Huỳnh	Nhung	22/10/1998					
34	508200152	Trịnh Thị Tuyết	Nhung	05/01/2002					
35	507200120	Nguyễn Văn	Phương	10/02/2002					
36	506200438	Đoàn Văn	Quang	27/01/2002					
37	507200298	Nguyễn Thị	Quí	04/10/2002					
38	507200174	Nguyễn Hoàn	Thiện	12/12/2000					
39	509200338	Lê Phước	Thịnh	21/01/2002					
40	509200336	Nguyễn Quốc	Thịnh	24/04/2001					
41	507200208	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	27/10/2002					
42	508200128	Trần Thị Cẩm	Tiên	05/11/2002					
43	507200219	Nguyễn Thị Bích	Tiền	15/10/2002					
44	505200115	Lê Trung	Tín	18/01/2002					
45	505200116	Nguyễn Trung	Tín	15/09/2002					
46	507200141	Nguyễn Thị	Trúc	26/06/2001					
47	506200318	Nguyễn Đăng	Trường	01/10/2001					
48	506200164	Nguyễn Thanh	Trường	04/06/2001					
49	508200184	Bùi Thị Mỹ	Tường	20/05/2002					
50	506200463	Phạm Đình Tuấn	Việt	10/08/2002					

Tổng số sinh viên : 50

Số có mặt:.....

Số vắng mặt:.....

Số bài thi:.....

Số giấy thi:.....

Giám thị 1
(Họ tên và chữ ký)

Giáo viên chấm bài 1
(Họ tên và chữ ký)

Giám thị 2
(Họ tên và chữ ký)

Giáo viên chấm bài 2
(Họ tên và chữ ký)

Ngày ... tháng .... năm ....
KHOA

Ngày ... tháng .... năm ....
PHÒNG ĐÀO TẠO